

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event Type		
Tournoi Satellite *	Singapore	2023-09-09	S	F	M	I	SA	

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

## Pool 1 Piste BLUE 12:00

Referee:

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	Result	V	M	HS	HR	HS/HR		
HKG	YEUNG CHI KA		V/5	V/5	V/5	V/5	V/5	1 30 13 17	
SGP	DU YUN TAO	D/0		D/0	V/5	D/1	D/1	V/5 0.33 12 25 -13	
SGP	SOH JULIAN	D/1	V/5		V/5	D/1	D/1	V/5 0.5 18 16 2	
MAS	NORDIN SAIF	D/3	D/2	D/0		D/1	D/3	D/3 0 12 30 -18	
TPE	HSU SHENG-HUNG JASPER	D/2	V/5	V/5	V/5		D/1	V/5 0.67 23 15 8	
HKG	LAM HO-LONG	D/3	V/5	V/5	V/5	V/5		V/5 0.83 28 14 14	
SGP	NEO TZE YANG	D/4	D/3	D/1	V/5	D/2	D/3		0.17 18 28 -10

## Pool 2 Piste RED 12:00

Referee:

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	Result	V	M	HS	HR	HS/HR		
HKG	CHOI SIU TONG EDWARD		V/5	D/0	D/1	D/1	D/0	V/5 0.33 12 21 -9	
SGP	YIP NATHAN TZENG LOEN	D/1		D/1	D/0	D/0	D/1	D/3 0 6 30 -24	
SGP	LIM JONATHAN TZIEN YIH	V/5	V/5		D/1	D/1	V/5	V/5 0.67 22 17 5	
SGP	TAN RAPHAEL JUAN KANG	V/5	V/5	V/5		V/5	V/5	V/5 1 30 5 25	
GER	KAHL ALEXANDER	V/5	V/5	V/5	D/2		V/5	V/5 0.83 27 8 19	
HKG	LAM YEUNG HOI	V/5	V/5	D/4	D/0	D/0		D/0 0.33 14 21 -7	
MAS	SHARIF TENGGU AMRAN	D/0	V/5	D/2	D/1	D/1	V/5		0.33 14 23 -9

## Pool 3 Piste GREEN 12:00

Referee:

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	Result	V	M	HS	HR	HS/HR		
HKG	LUK FU WAI CURTIS		D/3	D/1	D/0	V/5	D/0	D/3 0.17 12 29 -17	
SGP	NG JET SHANG FEI	V/5		V/5	D/3	V/5	V/5	D/4 0.67 27 23 4	
HKG	CHIU MAN TO	V/5	D/4		D/4	V/5	V/5	V/5 0.67 28 17 11	
TPE	CHEN YI-TUNG	V/5	V/5	V/5		V/5	V/5	V/5 1 30 10 20	
USA	ADLER DAVID	D/4	D/4	D/2	D/2		V/5	V/5 0.33 22 24 -2	
MAS	GOH JONAS, JIN HSIEN	V/5	D/2	D/3	D/1	D/1		D/3 0.17 15 25 -10	
SGP	CHENG DARIUS YU BIN	V/5	V/5	D/1	D/0	D/3	V/5		0.5 19 25 -6

## Pool 4 Piste YELLOW 12:00

Referee:

V/M HS HR HS/HR

Country	Name	Result	V	M	HS	HR	HS/HR		
SGP	TEO Alvin Chien Hong		D/1	D/2	D/0	D/2	D/4	D/1 0 10 30 -20	
TPE	CHEN CHIH CHIEH	V/5		V/5	V/5	V/5	D/1	V/5 0.83 26 13 13	
SGP	CHIN CHUN WAI	V/5	D/2		V/5	D/4	D/3	V/5 0.5 24 22 2	
SGP	ONG RYAN REN AN	V/5	D/1	D/1		D/3	D/3	D/4 0.17 17 25 -8	
HKG	HO TIN YAN MICHAEL	V/5	D/4	V/5	V/5		D/3	D/2 0.5 24 24 0	
PHI	FELIPE PRINCE JOHN FRANCIS	V/5	V/5	V/5	V/5	V/5		D/2 0.83 27 19 8	
HKG	CHU HON LAM	V/5	D/0	D/4	V/5	V/5	V/5		0.67 24 19 5

## Pool 5 Piste 5 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

PHI	FELIPE SHAWN NICOLLEI		D/1	D/4	D/4	V/5	V/5	V/5	0.5	24	20	4	
SGP	ROBSON SAMUEL ELIJAH	V/5		V/5	V/5	V/5	V/5	V/5	1	30	6	24	
JPN	GOTTSCHALK JULIAN	V/5	D/3		D/4	V/5	V/5	V/5	0.67	27	14	13	
QAT	HUSSEIN KHALED AREF	V/5	D/0	V/5		D/3	V/5	V/5	0.67	23	18	5	
SGP	YONG CALEB	D/2	D/1	D/0	V/5		V/5	V/5	0.5	18	19	-1	
HKG	WONG PAAK HANG JACKY	D/1	D/0	D/0	D/0	D/0		V/5	0.17	6	28	-22	
TPE	TSENG CHUN-YU	D/2	D/1	D/0	D/0	D/1	D/3		0	7	30	-23	

## Pool 6 Piste 6 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

HKG	CHAN KYLE		V/5	D/4	D/2	V/5	V/5	V/5	0.67	26	12	14	
SGP	TAN LE KAI	D/0		D/4	D/4	D/2	D/2	D/2	0	14	30	-16	
PHI	MANUEL MARCUS ANTONIO	V/5	V/5		D/1	D/2	D/4	D/4	0.33	21	28	-7	
QAT	KHALIFA ABDALLA	V/5	V/5	V/5		D/1	V/5	D/4	0.67	25	17	8	
UZB	ASRANOV MUKHAMMAD YUSUF	D/1	V/5	V/5	V/5		V/5	V/5	0.83	26	12	14	
SGP	LEE THADDEUS TED	D/1	V/5	V/5	D/0	D/2		D/3	0.33	16	26	-10	
TPE	KUO CHUN-YOU	D/0	V/5	V/5	V/5	D/0	V/5		0.67	20	23	-3	

## Pool 7 Piste 7 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

SGP	TAN YE KAI		D/3	D/2	D/3	D/4	V/5	D/0	0.17	17	27	-10	
TPE	LU YU-HAO	V/5		V/5	V/5	D/1	V/5	D/4	0.67	25	21	4	
QAT	OWAIDA ALI	V/5	D/3		V/5	V/5	D/4	V/5	0.67	27	21	6	
UZB	SADULLAEV DONIYOR	V/5	D/1	D/4		V/5	D/1	D/3	0.33	19	23	-4	
MAS	HENG YU SHERN	V/5	V/5	D/2	D/0		D/2	V/5	0.5	19	21	-2	
HKG	LEUNG KWOK FUNG	D/2	D/4	V/5	V/5	V/5		D/4	0.5	25	22	3	
SGP	HO JIA LE SEAN	V/5	V/5	D/3	V/5	D/1	V/5		0.67	24	21	3	

## Pool 8 Piste 8 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

SGP	NEO MAX WEI KIT		V/5	V/5	V/5	V/5	V/5	V/5	1	25	9	16	
AUS	THIAN ARON	D/0		D/1	V/5	V/5	V/5	V/5	0.6	16	20	-4	
MAS	KAMALANATHAN KAERLAN VINOD	D/1	V/5		V/5	V/5	D/3		0.6	19	11	8	
SGP	TANG XINNING	D/4	D/4	D/0		V/5	V/5		0.4	18	20	-2	
TPE	YUEH CHE-HAO	D/4	D/4	D/0	D/4		V/5		0.2	17	21	-4	
HKG	XU HO MING	D/0	D/2	V/5	D/1	D/1			0.2	9	23	-14	

## Pool 9 Piste 9 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

SGP	KIEW ZEPHANIAH IAN		V/5	V/5	D/4	V/5	V/5		0.8	24	16	8	
SGP	TEO ELLIOT DEE TIAU	D/3		D/2	V/5	V/4	V/5		0.6	19	19	0	
SGP	SOH JASPER	D/4	V/5		D/2	V/5	V/5		0.6	21	17	4	
HKG	LEE YAT LONG	V/5	D/4	V/5		V/5	V/5		0.8	24	12	12	
TPE	LAM LOK-CHI	D/2	D/3	D/2	D/0		D/1		0	8	24	-16	
HKG	CHO CHUNG YAT AUSTON	D/2	D/2	D/3	D/1	V/5			0.2	13	21	-8	

## Pool 10 Piste 10 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

HKG	HO MAN LAI		D/2	V/5	V/5	D/2	D/1	0.4	15	20	-5	
PHI	GUINTO CLYD LORENZO	V/5		D/3	D/2	D/2	D/0	0.2	12	22	-10	
SGP	TANG TRISTAN	D/2	V/5		V/5	D/2	D/2	0.4	16	21	-5	
TPE	HUNG SHAO-JIE	D/3	V/5	D/3		V/5	D/3	0.4	19	21	-2	
SGP	TAY DANIEL YEE JYE	V/5	V/5	V/5	D/4		D/1	0.6	20	16	4	
GBR	MINOTT KAMAL	V/5	V/5	V/5	V/5	V/5		1	25	7	18	

## Pool 11 Piste 11 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

TPE	CHEN SYUAN-HAO		D/2	D/1	D/2	D/3	D/3	0	11	25	-14	
HKG	FUNG CHEUK HEI	V/5		D/1	V/5	D/2	D/4	0.4	17	21	-4	
SGP	LOO KEYON	V/5	V/5		V/5	V/5	V/5	1	25	12	13	
SGP	WEE LIONEL	V/5	D/4	D/4		V/5	V/5	0.6	23	13	10	
SGP	LOCK KIEREN	V/5	V/5	D/2	D/0		V/5	0.6	17	19	-2	
PHI	PEREZ NATHANIEL	V/5	V/5	D/4	D/1	D/4		0.4	19	22	-3	

## Pool 12 Piste 12 12:00

## Referee:

V/M HS HR HS/HR

PHI	TRANQUILAN SAMMUEL		D/2	D/3	V/5	V/5	V/5	0.6	20	13	7	
HKG	CHEUNG NGO CHUN	V/5		V/5	V/5	V/5	V/5	1	25	6	19	
SGP	CHIU JOEL KA JYN	V/5	D/2		V/5	D/1	V/5	0.6	18	15	3	
SGP	YEO MATTHEW SHIEN TER	D/0	D/0	D/1		D/0	D/0	0	1	25	-24	
TPE	KUO CHANG-CHIEH	D/3	D/1	V/5	V/5		V/5	0.6	19	13	6	
SGP	HUANG LEMUEL JING YAO	D/0	D/1	D/1	V/5	D/2		0.2	9	20	-11	

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event Type					
Tournoi Satellite *	Singapore	2023-09-09	S	F	M	I	SA				

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

Place	Name	Age	Nation	V	M	TD	TR	Ind.	Diff	Q
1	TAN RAPHAEL JUAN KANG	17	SGP	6	6	30	5	1	25	+
2	ROBSON SAMUEL ELIJAH	17	SGP	6	6	30	6	1	24	+
3	CHEN YI-TUNG	20	TPE	6	6	30	10	1	20	+
4	CHEUNG NGO CHUN	22	HKG	5	5	25	6	1	19	+
5	MINOTT KAMAL	25	GBR	5	5	25	7	1	18	+
6	YEUNG CHI KA	29	HKG	6	6	30	13	1	17	+
7	NEO MAX WEI KIT	21	SGP	5	5	25	9	1	16	+
8	LOO KEYON	17	SGP	5	5	25	12	1	13	+
9	KAHL ALEXANDER	29	GER	5	6	27	8	0.833	19	+
10	LAM HO-LONG	16	HKG	5	6	28	14	0.833	14	+
11	ASRANOV MUKHAMMAD YUSUF	19	UZB	5	6	26	12	0.833	14	+
12	CHEN CHIH CHIEH	22	TPE	5	6	26	13	0.833	13	+
13	FELIPE PRINCE JOHN FRANCIS	20	PHI	5	6	27	19	0.833	8	+
14	LEE YAT LONG	22	HKG	4	5	24	12	0.8	12	+
15	KIEW ZEPHANIAH IAN	18	SGP	4	5	24	16	0.8	8	+
16	CHAN KYLE	33	HKG	4	6	26	12	0.667	14	+
17	GOTTSCHALK JULIAN	22	JPN	4	6	27	14	0.667	13	+
18	CHIU MAN TO	23	HKG	4	6	28	17	0.667	11	+
19	KHALIFA ABDALLA	20	QAT	4	6	25	17	0.667	8	+
20	HSU SHENG-HUNG JASPER	17	TPE	4	6	23	15	0.667	8	+
21	OWAIDA ALI	23	QAT	4	6	27	21	0.667	6	+
22	CHU HON LAM	22	HKG	4	6	24	19	0.667	5	+
23	HUSSEIN KHALED AREF	19	QAT	4	6	23	18	0.667	5	+
24	LIM JONATHAN TZIEN YIH	21	SGP	4	6	22	17	0.667	5	+
25	NG JET SHANG FEI	25	SGP	4	6	27	23	0.667	4	+
26	LU YU-HAO	19	TPE	4	6	25	21	0.667	4	+
27	HO JIA LE SEAN	16	SGP	4	6	24	21	0.667	3	+
28	KUO CHUN-YOU	22	TPE	4	6	20	23	0.667	-3	+
29	WEE LIONEL	22	SGP	3	5	23	13	0.6	10	+
30	KAMALANATHAN KAERLAN VINOD	15	MAS	3	5	19	11	0.6	8	+
31	TRANQUILAN SAMMUEL	24	PHI	3	5	20	13	0.6	7	+
32	KUO CHANG-CHIEH	17	TPE	3	5	19	13	0.6	6	+
33	SOH JASPER	21	SGP	3	5	21	17	0.6	4	+
34	TAY DANIEL YEE JYE	17	SGP	3	5	20	16	0.6	4	+
35	CHIU JOEL KA JYN	20	SGP	3	5	18	15	0.6	3	+
36	TEO ELLIOT DEE TIAU	19	SGP	3	5	19	19	0.6	0	+
37	LOCK KIEREN	21	SGP	3	5	17	19	0.6	-2	+
38	THIAN ARON	20	AUS	3	5	16	20	0.6	-4	+
39	FELIPE SHAWN NICOLLEI	19	PHI	3	6	24	20	0.5	4	+
40	LEUNG KWOK FUNG	17	HKG	3	6	25	22	0.5	3	+
41	CHIN CHUN WAI	18	SGP	3	6	24	22	0.5	2	+
42	SOH JULIAN	16	SGP	3	6	18	16	0.5	2	+
43	HO TIN YAN MICHAEL	17	HKG	3	6	24	24	0.5	0	+
44	YONG CALEB	19	SGP	3	6	18	19	0.5	-1	+
45	HENG YU SHERN	16	MAS	3	6	19	21	0.5	-2	+

Place	Name	Age	Nation	V	M	TD	TR	Ind.	Diff	Q
46	CHENG DARIUS YU BIN	15	SGP	3	6	19	25	0.5	-6	+
47	HUNG SHAO-JIE	20	TPE	2	5	19	21	0.4	-2	+
48	TANG XINNING	16	SGP	2	5	18	20	0.4	-2	+
49	PEREZ NATHANIEL	27	PHI	2	5	19	22	0.4	-3	+
50	FUNG CHEUK HEI	19	HKG	2	5	17	21	0.4	-4	+
51	TANG TRISTAN	14	SGP	2	5	16	21	0.4	-5	+
52	HO MAN LAI	19	HKG	2	5	15	20	0.4	-5	+
53	ADLER DAVID	29	USA	2	6	22	24	0.333	-2	+
54	SADULLAEV DONIYOR	26	UZB	2	6	19	23	0.333	-4	+
55	MANUEL MARCUS ANTONIO	15	PHI	2	6	21	28	0.333	-7	+
56	LAM YEUNG HOI	26	HKG	2	6	14	21	0.333	-7	+
57	SHARIF TENGKU AMRAN	19	MAS	2	6	14	23	0.333	-9	+
58	CHOI SIU TONG EDWARD	31	HKG	2	6	12	21	0.333	-9	+
59	LEE THADDEUS TED	14	SGP	2	6	16	26	0.333	-10	+
60	DU YUN TAO	16	SGP	2	6	12	25	0.333	-13	+
61	YUEH CHE-HAO	21	TPE	1	5	17	21	0.2	-4	+
62	CHO CHUNG YAT AUSTON	22	HKG	1	5	13	21	0.2	-8	+
63	GUINTO CLYD LORENZO	15	PHI	1	5	12	22	0.2	-10	+
64	HUANG LEMUEL JING YAO	16	SGP	1	5	9	20	0.2	-11	+
65	XU HO MING	15	HKG	1	5	9	23	0.2	-14	-
66	ONG RYAN REN AN	24	SGP	1	6	17	25	0.167	-8	-
67	NEO TZE YANG	16	SGP	1	6	18	28	0.167	-10	-
68	TAN YE KAI	18	SGP	1	6	17	27	0.167	-10	-
69	GOH JONAS, JIN HSIEN	16	MAS	1	6	15	25	0.167	-10	-
70	LUK FU WAI CURTIS	23	HKG	1	6	12	29	0.167	-17	-
71	WONG PAAK HANG JACKY	21	HKG	1	6	6	28	0.167	-22	-
72	CHEN SYUAN-HAO	16	TPE	0	5	11	25	0	-14	-
73	TAN LE KAI	15	SGP	0	6	14	30	0	-16	-
74	LAM LOK-CHI	17	TPE	0	5	8	24	0	-16	-
75	NORDIN SAIF	13	MAS	0	6	12	30	0	-18	-
76	TEO Alvin Chien Hong	44	SGP	0	6	10	30	0	-20	-
77	TSENG CHUN-YU	15	TPE	0	6	7	30	0	-23	-
78	YIP NATHAN TZENG LOEN	14	SGP	0	6	6	30	0	-24	-
79	YEO MATTHEW SHIEN TER	15	SGP	0	5	1	25	0	-24	-

2023-09-12

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event Type		
Tournoi Satellite *	Singapore	2023-09-09	S	F	M	I	SA	

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

Tableau of 64

TAN RAPHAEL JU...	SGP	V/15
HUANG LEMUEL...	SGP	D/6
SOH JASPER	SGP	V/15
KUO CHANG-CH...	TPE	D/12
GOTTSCHALK JU...	JPN	V/15
TANG XINNING	SGP	D/6
PEREZ NATHANI...	PHI	V/15
CHAN KYLE	HKG	D/8
KAHL ALEXANDE...	GER	V/15
LAM YEUNG HOI	HKG	D/0
CHIN CHUN WAI	SGP	D/5
LIM JONATHAN T...	SGP	V/15
NG JET SHANG F...	SGP	D/12
LEUNG KWOK FU...	HKG	V/15
SHARIF TENGKU...	MAS	D/4
LOO KEYON	SGP	V/15

Tableau of 32

TAN RAPHAEL JU...	SGP	V/15
SOH JASPER	SGP	D/8
GOTTSCHALK JU...	JPN	V/15
PEREZ NATHANI...	PHI	D/9
KAHL ALEXANDE...	GER	V/15
LIM JONATHAN T...	SGP	D/7
LEUNG KWOK FU...	HKG	D/7
LOO KEYON	SGP	V/15

Tableau of 16

TAN RAPHAEL JU...	SGP	V/15
GOTTSCHALK JU...	JPN	D/8
KAHL ALEXANDE...	GER	V/15
LOO KEYON	SGP	D/3

Tableau of 8

TAN RAPHAEL JU...	SGP	D/11
KAHL ALEXANDE...	GER	V/15

MINOTT KAMAL	GBR	V/15
DU YUN TAO	SGP	D/3

LOCK KIEREN	SGP	V/15
KUO CHUN-YOU	TPE	D/13

OWAIDA ALI	QAT	V/15
YONG CALEB	SGP	D/7

ADLER DAVID	USA	D/6
CHEN CHIH CHIE...	TPE	V/15

FELIPE PRINCE ...	PHI	V/15
HO MAN LAI	HKG	D/6

HENG YU SHERN	MAS	D/6
HSU SHENG-HUN...	TPE	V/15

WEE LIONEL	SGP	V/15
TEO ELLIOT DEE...	SGP	D/12

YUEH CHE-HAO	TPE	D/11
CHEUNG NGO C...	HKG	V/15

MINOTT KAMAL	GBR	D/10
LOCK KIEREN	SGP	V/15

OWAIDA ALI	QAT	D/6
CHEN CHIH CHIE...	TPE	V/15

FELIPE PRINCE ...	PHI	D/9
HSU SHENG-HUN...	TPE	V/15

WEE LIONEL	SGP	D/11
CHEUNG NGO C...	HKG	V/15

LOCK KIEREN	SGP	D/7
CHEN CHIH CHIE...	TPE	V/15

CHEN CHIH CHIE...	TPE	V/15
CHEUNG NGO C...	HKG	D/13

HSU SHENG-HUN...	TPE	D/5
CHEUNG NGO C...	HKG	V/9

CHEN YI-TUNG	TPE	V/15
CHO CHUNG YA...	HKG	D/7

CHIU JOEL KA JY...	SGP	V/15
KAMALANATHAN...	MAS	D/13

KHALIFA ABDALL...	QAT	V/15
CHENG DARIUS ...	SGP	D/11

TANG TRISTAN	SGP	D/1
LEE YAT LONG	HKG	V/15

ASRANOV MUKH...	UZB	V/15
SADULLAEV DON...	UZB	D/11

HO TIN YAN MIC...	HKG	D/12
CHU HON LAM	HKG	V/15

HO JIA LE SEAN	SGP	V/15
THIAN ARON	AUS	D/6

LEE THADDEUS ...	SGP	D/8
YEUNG CHI KA	HKG	V/15

CHEN YI-TUNG	TPE	V/15
CHIU JOEL KA JY...	SGP	D/9

KHALIFA ABDALL...	QAT	D/5
LEE YAT LONG	HKG	V/15

ASRANOV MUKH...	UZB	V/15
CHU HON LAM	HKG	D/5

HO JIA LE SEAN	SGP	D/10
YEUNG CHI KA	HKG	V/15

CHEN YI-TUNG	TPE	D/13
LEE YAT LONG	HKG	V/15

LEE YAT LONG	HKG	D/10
YEUNG CHI KA	HKG	V/15

ASRANOV MUKH...	UZB	D/5
YEUNG CHI KA	HKG	V/15



NEO MAX WEI KIT	SGP	V/15
CHOI SIU TONG ...	HKG	D/5

FELIPE SHAWN N...	PHI	V/15
LU YU-HAO	TPE	D/12

HUSSEIN KHALE...	QAT	V/15
SOH JULIAN	SGP	D/11

MANUEL MARCU...	PHI	D/6
LAM HO-LONG	HKG	V/15

KIEW ZEPHANIA...	SGP	V/15
FUNG CHEUK HEI	HKG	D/5

HUNG SHAO-JIE	TPE	D/8
CHIU MAN TO	HKG	V/15

TRANQUILAN SA...	PHI	V/15
TAY DANIEL YEE...	SGP	D/7

GUINTO CLYD L...	PHI	D/6
ROBSON SAMUE...	SGP	V/15

NEO MAX WEI KIT	SGP	V/15
FELIPE SHAWN N...	PHI	D/8

HUSSEIN KHALE...	QAT	D/8
LAM HO-LONG	HKG	V/15

KIEW ZEPHANIA...	SGP	D/10
CHIU MAN TO	HKG	V/15

TRANQUILAN SA...	PHI	D/4
ROBSON SAMUE...	SGP	V/15

NEO MAX WEI KIT	SGP	D/14
LAM HO-LONG	HKG	V/15

LAM HO-LONG	HKG	V/15
ROBSON SAMUE...	SGP	D/14

CHIU MAN TO	HKG	D/13
ROBSON SAMUE...	SGP	V/15

2023-09-12

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event	Type
Tournoi Satellite *	Singapore	2023-09-09	S	F	M	I	SA

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

## Tableau of 8

TAN RAPHAEL JU...	SGP	D/11
KAHL ALEXANDE...	GER	V/15
CHEN CHIH CHIE...	TPE	V/15
CHEUNG NGO C...	HKG	D/13
LEE YAT LONG	HKG	D/10
YEUNG CHI KA	HKG	V/15
LAM HO-LONG	HKG	V/15
ROBSON SAMUE...	SGP	D/14

## Semi-finals

KAHL ALEXANDE...	GER	V/15
CHEN CHIH CHIE...	TPE	D/6
YEUNG CHI KA	HKG	V/15
LAM HO-LONG	HKG	D/5

## Final

KAHL ALEXANDE...	GER	D/12
YEUNG CHI KA	HKG	V/15

2023-09-12

# RESULTS: LIST OF RESULTS

Competition	Place	Date	Category	Weapon	Gender	Event Type		
Tournoi Satellite *	Singapore	2023-09-09	S	F	M	I	SA	

\* Results of the competitions marked with asterisk were not validated yet.

Rank	Points	Name	Nationality	Age
1	4	YEUNG CHI KA	HKG	29
2	3	KAHL ALEXANDER	GER	30
3	2	CHEN CHIH CHIEH	TPE	22
3	2	LAM HO-LONG	HKG	16
5	1	TAN RAPHAEL JUAN KANG	SGP	18
6	1	ROBSON SAMUEL ELIJAH	SGP	17
7	1	CHEUNG NGO CHUN	HKG	23
8	1	LEE YAT LONG	HKG	23
9	0	CHEN YI-TUNG	TPE	20
10	0	NEO MAX WEI KIT	SGP	21
11	0	LOO KEYON	SGP	17
12	0	ASRANOV MUKHAMMAD YUSUF	UZB	20
13	0	GOTTSCHALK JULIAN	JPN	22
14	0	CHIU MAN TO	HKG	23
15	0	HSU SHENG-HUNG JASPER	TPE	17
16	0	LOCK KIEREN	SGP	22
17	0	MINOTT KAMAL	GBR	26
18	0	FELIPE PRINCE JOHN FRANCIS	PHI	21
19	0	KIEW ZEPHANIAH IAN	SGP	19
20	0	KHALIFA ABDALLA	QAT	20
21	0	OWAIDA ALI	QAT	23
22	0	CHU HON LAM	HKG	23
23	0	HUSSEIN KHALED AREF	QAT	20
24	0	LIM JONATHAN TZIEN YIH	SGP	21
25	0	HO JIA LE SEAN	SGP	17
26	0	WEE LIONEL	SGP	22
27	0	TRANQUILAN SAMMUEL	PHI	25
28	0	SOH JASPER	SGP	21
29	0	CHIU JOEL KA JYN	SGP	20
30	0	FELIPE SHAWN NICOLLEI	PHI	19
31	0	LEUNG KWOK FUNG	HKG	17
32	0	PEREZ NATHANIEL	PHI	27
33	0	CHAN KYLE	HKG	33
34	0	NG JET SHANG FEI	SGP	25
35	0	LU YU-HAO	TPE	19
36	0	KUO CHUN-YOU	TPE	22
37	0	KAMALANATHAN KAERLAN VINOD	MAS	16
38	0	KUO CHANG-CHIEH	TPE	17
39	0	TAY DANIEL YEE JYE	SGP	17
40	0	TEO ELLIOT DEE TIAU	SGP	19
41	0	THIAN ARON	AUS	21
42	0	CHIN CHUN WAI	SGP	18
43	0	SOH JULIAN	SGP	17
44	0	HO TIN YAN MICHAEL	HKG	17
45	0	YONG CALEB	SGP	19

Rank	Points	Name	Nationality	Age
46	0	HENG YU SHERN	MAS	16
47	0	CHENG DARIUS YU BIN	SGP	15
48	0	HUNG SHAO-JIE	TPE	20
49	0	TANG XINNING	SGP	17
50	0	FUNG CHEUK HEI	HKG	19
51	0	TANG TRISTAN	SGP	14
52	0	HO MAN LAI	HKG	19
53	0	ADLER DAVID	USA	29
54	0	SADULLAEV DONIYOR	UZB	26
55	0	MANUEL MARCUS ANTONIO	PHI	15
56	0	LAM YEUNG HOI	HKG	26
57	0	SHARIF TENGKU AMRAN	MAS	19
58	0	CHOI SIU TONG EDWARD	HKG	31
59	0	LEE THADDEUS TED	SGP	14
60	0	DU YUN TAO	SGP	16
61	0	YUEH CHE-HAO	TPE	21
62	0	CHO CHUNG YAT AUSTON	HKG	23
63	0	GUINTO CLYD LORENZO	PHI	15
64	0	HUANG LEMUEL JING YAO	SGP	16
65	0	XU HO MING	HKG	16
66	0	ONG RYAN REN AN	SGP	24
67	0	NEO TZE YANG	SGP	16
68	0	TAN YE KAI	SGP	19
69	0	GOH JONAS, JIN HSIEN	MAS	16
70	0	LUK FU WAI CURTIS	HKG	23
71	0	WONG PAAK HANG JACKY	HKG	21
72	0	CHEN SYUAN-HAO	TPE	16
73	0	TAN LE KAI	SGP	15
74	0	LAM LOK-CHI	TPE	17
75	0	NORDIN SAIF	MAS	13
76	0	TEO Alvin Chien Hong	SGP	44
77	0	TSENG CHUN-YU	TPE	15
78	0	YIP NATHAN TZENG LOEN	SGP	15
79	0	YEO MATTHEW SHIEN TER	SGP	15

2023-09-12